

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300108704 (số cũ: 5503000020), đăng ký lần đầu ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 23/07/2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số:
do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm 2009)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

- ❖ **Trụ sở Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre**
207D Nguyễn Đình Chiểu, Xã Phú Hưng, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- ❖ **Trụ sở Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**
56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
- ❖ **Chi nhánh Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tại Hà Nội**
57 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông **Phan Quốc Thông** – Chức vụ: Phó Giám đốc

Điện thoại: (075) 3822 315

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300108704 (số cũ: 5503000020), đăng ký lần đầu ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 23/07/2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng
Tổng số lượng niêm yết:	4.049.006 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết:	40.490.060.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, Quận 5, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3838 9099 Fax: (08) 3838 9119

Email: vietvalues@vnn.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Trụ sở chính

Địa chỉ: 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3821 8666 Fax: (84.8) 3914 4372

Website: www.dag.vn Email: dag@dag.vn

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3944 5175 Fax: (84.4) 3944 5178

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro kinh tế.....	5
2. Rủi ro pháp lý.....	5
3. Rủi ro ngành.....	6
4. Rủi ro tài chính.....	6
5. Rủi ro kinh doanh đặc thù	6
6. Rủi ro khác	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1. Tổ chức niêm yết.....	8
2. Tổ chức tư vấn.....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
1. Giới thiệu về Công ty	10
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
3. Những thành tựu đạt được.....	12
4. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty	13
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	16
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết	17
7. Hoạt động kinh doanh	17
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	27
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	29
10. Chính sách đối với người lao động	31
11. Chính sách cổ tức	33
12. Tình hình hoạt động tài chính	33
13. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	37
14. Tài sản	45
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012.....	46
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	48
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	48
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	48
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	49

1. Loại chứng khoán.....	49
2. Mệnh giá cổ phần.....	49
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	49
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết.....	49
5. Phương pháp tính giá.....	50
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.....	51
7. Các loại thuế liên quan.....	51
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	53
1. Tổ chức kiểm toán:.....	53
2. Tổ chức tư vấn:.....	53
VII. DANH MỤC PHỤ LỤC.....	54

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Tình hình kinh tế trong năm 2009 vẫn còn nhiều khó khăn do vẫn chưa thực sự thoát khỏi tình trạng suy giảm. Tốc độ tăng trưởng trong những tháng đầu năm 2009 đạt mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Cụ thể tốc độ tăng trưởng GDP so với cùng kỳ năm 2008 của Quý 1 năm 2009 là 3,1%, Quý 2 là 4,5%, Quý 3 là 5,8%. Tính chung chín tháng đầu năm 2009, tốc độ tăng trưởng GDP là 4,6%. Trong bối cảnh phần lớn các nền kinh tế trên thế giới đều đạt mức tăng trưởng rất thấp hoặc vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục rõ nét, thì mức tăng trưởng 4,6% trong chín tháng đầu năm nêu trên đã đạt được từ sự nỗ lực rất lớn của cả nền kinh tế.

Nền kinh tế hiện vẫn còn đang phải đương đầu với nhiều khó khăn như sức tiêu thụ vẫn chưa hoàn toàn hồi phục, thị trường xuất khẩu vẫn còn khó khăn, tình trạng nhập siêu và nguy cơ lạm phát tái diễn. Do đó, mục tiêu hàng đầu được Chính phủ đặt ra thời điểm hiện tại là: ngăn ngừa suy giảm, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững, ổn định kinh tế vĩ mô.

Với việc đánh giá và nhìn nhận đúng tình hình và các vấn đề của nền kinh tế hiện nay, các giải pháp được triển khai sẽ hứa hẹn sớm đưa nền kinh tế vượt qua những khó khăn, thách thức của giai đoạn khủng hoảng. Sự phục hồi, phát triển của nền kinh tế sẽ mở ra nhiều cơ hội phát triển cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (VLXD Bến Tre). Đồng thời tác động xấu của nền kinh tế (nếu có) sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VLXD Bến Tre cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến tất cả các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của VLXD Bến Tre.

Xét ở khía cạnh doanh nghiệp, VLXD Bến Tre là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cát, lĩnh vực phải chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về tài nguyên, khoáng sản. Mục tiêu và chiến lược của nhà nước đối với việc khai thác nguồn tài nguyên sẽ ảnh hưởng đến các chính sách tác động lên các doanh nghiệp trong ngành.

Hơn nữa, việc thực hiện không nhất quán ở các địa phương các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động khai thác nguồn tài nguyên cũng sẽ ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của các công ty.

Ở khía cạnh quản trị doanh nghiệp, khả năng kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, VLXD Bến Tre sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro ngành

Nước ta vẫn đang là một nước đang phát triển, do đó, nền kinh tế được dự báo vẫn sẽ đạt mức tăng trưởng cao trong những năm sắp tới. Nền kinh tế tăng trưởng sẽ đòi hỏi hệ thống cơ sở hạ tầng cũng phải phát triển ở một mức độ tương ứng. Vì vậy, các ngành công nghiệp và dịch vụ liên quan đến lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng như đầu tư, xây lắp, sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng,... hứa hẹn sẽ đạt được những mức tăng trưởng cao trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển.

Đặc biệt hơn, đối với Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực mà mức độ phát triển cơ sở hạ tầng tương đối thấp so với các vùng kinh tế khác của cả nước. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư, thúc đẩy kinh tế trong khu vực phát triển, các tỉnh trong khu vực dự kiến cũng sẽ tranh thủ cơ hội để đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng. Do đó, các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng và vật liệu xây dựng trong khu vực cũng sẽ hứa hẹn có nhiều tiềm năng tăng trưởng trong tương lai.

4. Rủi ro tài chính

VLXD Bến Tre sử dụng nợ với tỷ lệ rất thấp. Do đó rủi ro thanh khoản từ việc sử dụng nợ hầu như không có.

Tuy nhiên, với đặc thù của ngành xây dựng, các doanh nghiệp thường xuyên bị chiếm dụng vốn. Hơn nữa, do nền kinh tế vẫn đang trong giai đoạn hồi phục, các nguồn vốn phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh vẫn còn hạn chế. Vì vậy việc kiểm soát và quản lý chặt chẽ các khoản công nợ sẽ là một trong những đòi hỏi cấp thiết đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng trong thời điểm hiện tại, để hạn chế tình trạng nguồn vốn bị chiếm dụng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty.

5. Rủi ro kinh doanh đặc thù

Đối với hoạt động khai thác cát, lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty, VLXD Bến Tre có thể gặp phải những trở ngại như: các nguồn khai thác bị cạn kiệt, sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác trong việc xin phép khai thác các mỏ cát, chính sách điều tiết của nhà nước đối với hoạt

động khai khoáng,... Tuy nhiên, với chính sách khai thác hợp lý, luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật và luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ngân sách đối với nhà nước, VLXD Bến Tre đã tạo được uy tín và sẽ có lợi thế trong việc xin phép khai thác các mỏ cát trên địa bàn.

Ở lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, VLXD Bến Tre cũng gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ nhiều doanh nghiệp cùng ngành. Là một lĩnh vực tiềm năng, thị trường vật liệu xây dựng đã thu hút sự tham gia của ngày càng nhiều các nhà sản xuất và nhà phân phối. Với nhiều năm hoạt động kinh doanh phân phối vật liệu xây dựng trên thị trường tỉnh Bến Tre và khu vực các tỉnh lân cận, ngoài việc tạo dựng được các mối quan hệ thân thiết với khách hàng, VLXD Bến Tre có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý, thích hợp với từng đối tượng khách hàng, nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

6. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, VLXD Bến Tre cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Ngô Hữu Tài Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc

Bà Lê Thị Nguyệt Phượng Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Lê Quốc Cường Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Bùi Việt Chức vụ: Tổng Giám đốc
Đại diện theo pháp luật

Bà Trương Nguyễn Thiên Kim Chức vụ: Giám đốc Tài chính Doanh nghiệp
Người được ủy quyền

Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh Chức vụ: Trưởng Bộ phận Dịch vụ khách hàng

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Công ty	: Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre
VLXD Bến Tre	: Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BGD	: Ban Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
BCTC	: Báo cáo tài chính
CTCP	: Công ty cổ phần
GCNĐKKD	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
VLXD	: Vật liệu xây dựng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**
- Tên viết tắt: **CTCP VLXD BẾN TRE**
- Vốn điều lệ: **40.490.060.000** đồng
- Trụ sở chính: 207D Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: (075) 382 2315 Fax: (075) 382 2319
- Website: www.vlxdbentre.com
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 1300108704 (số cũ: 5503000020), đăng ký lần đầu ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 23/07/2009
- Tài khoản: 721.10.00.001143.2 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác cát sông	1411-141100
2	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và các mặt hàng trang trí nội thất	2695
3	San lấp mặt bằng	45221-452210
4	Vận tải hàng hóa	5051-505100
5	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình dân dụng, công nghiệp. Thi công xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu, đường, công viên cây xanh và trồng cây xanh	6022
6	Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất	6311
7	Kinh doanh xăng, dầu, dầu nhờn, gas	6312
8	Sản xuất, kinh doanh bê tông tươi và cấu kiện bê tông đúc sẵn	712
9	Kinh doanh cho thuê cảng, kho bãi và dịch vụ bốc dỡ hàng hóa	7121-712100

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 30/TC-CQ ngày 17/01/1978 của Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bến Tre.

Thực hiện Nghị định số 388-HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre được thành lập lại theo quyết định số 994/QĐ-UB ngày 02/12/1992 của UBND tỉnh Bến Tre.

Ngày 24/05/2004, UBND tỉnh đã ra quyết định số 1852/2004/QĐ-UB về việc chuyển Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre thành Công ty Cổ phần. Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 5503000020 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/09/2004 với mức điều lệ là **15 tỷ đồng**.

- ❖ Các cột mốc đánh dấu sự tăng trưởng, phát triển nổi bật của Công ty từ khi thành lập đến nay:
 - Năm 1996: Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực khai thác cát. Cùng năm này, Công ty được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III (theo quyết định số 845 KT/CTN của Chủ tịch nước ngày 25/04/1996).
 - Năm 2000: Tiến hành sáp nhập Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu Xây dựng vào Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre theo quyết định số 3150/QĐ-UB ngày 17/12/1999 của UBND tỉnh Bến Tre.
 - Năm 2002: Công ty được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng II (theo quyết định số 483/2002/QĐ/CTN của Chủ tịch nước ngày 12/08/2002).
 - Năm 2003: Công ty được Chính phủ tặng Cờ thi đua hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua lao động sản xuất và công tác của tỉnh Bến Tre (quyết định số 386/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/04/2003).
 - Năm 2005: Công ty đầu tư xây dựng Xưởng sản xuất tole và xà gồ thép.
 - Năm 2006: Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực thi công xây dựng
 - Năm 2008: Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng I (theo quyết định số 1271/QĐ-CTN ngày 19/09/2008 của Chủ tịch nước).

❖ Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre:

Thời gian	Căn cứ thực hiện	Hình thức phát hành	Đối tượng phát hành	Số lượng cổ phần phát hành	Vốn điều lệ mới
06/2006	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2006	Phát hành cổ phiếu thưởng	Cổ đông hiện hữu	225.000	17.250.000.000
02/2007	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2007	Phát hành cổ phiếu thưởng	Cổ đông hiện hữu	250.125	19.751.250.000
01/2009	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2008 Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 364/UBCKNN-GCN ngày 31/12/2008	Chào bán ra công chúng	Cổ đông hiện hữu, Cán bộ công nhân viên	2.073.881	40.490.060.000

Là một doanh nghiệp nhà nước xuất sắc, sau khi chuyển thành công ty cổ phần, VLXD Bến Tre tiếp tục gặt hái được nhiều thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn giữ vững mức tăng trưởng ổn định, trên 10%, trong nhiều năm qua, với khả năng sinh lời mỗi năm đạt trên mức 30% so với vốn đầu tư của chủ sở hữu, tạo công ăn việc làm ổn định cho hơn 100 lao động, nộp ngân sách nhà nước nhiều tỷ đồng.

3. Những thành tựu đạt được

Là doanh nghiệp hình thành từ việc cổ phần hóa một công ty nhà nước vốn đã đạt được nhiều thành tựu, sau khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, VLXD BẾN TRE đã không ngừng cố gắng, tiếp tục phát huy các thế mạnh truyền thống, đồng thời xác định các chiến lược đầu tư phát triển dài hạn cho mình.

Ban lãnh đạo Công ty đã mạnh dạn thanh lý phương tiện, thiết bị cũ kỹ lạc hậu, công suất thấp, thay bằng các phương tiện thiết bị mới, hiện đại hơn như: thay xáng guồng khai thác cát bằng thiết bị gàu cạp; thay phương tiện vận tải trọng tải nhỏ bằng phương tiện có trọng tải lớn có chi phí thấp hơn; thay bốc dỡ hàng hóa thủ công bằng cơ giới; xây dựng kho hàng, tăng khả năng dự trữ; đầu tư mới dây chuyền cán tole và xà gồ thép.

Từ năm 2004 đến nay, Công ty đã đầu tư hơn 5 tỷ đồng để cải tiến và thay đổi công nghệ sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy, hiệu quả đầu tư mang lại khá cao, giá trị sản xuất và doanh thu hàng năm tăng từ 10% đến 15%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu mỗi năm đều đạt hơn 30%.

Với những kết quả khả quan đạt được trong thời gian qua, Công ty đã được Cơ quan các cấp công nhận các danh hiệu thi đua cao quý như: Tập thể lao động xuất sắc (2004 – 2006), Cờ thi đua xuất sắc (do Ủy ban Nhân dân Tỉnh trao tặng năm 2004 và 2006), Bằng khen có thành tích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước (do Thủ tướng Chính phủ trao tặng năm 2005) và nhiều danh hiệu cao quý khác.

4. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty

4.1 Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty, v.v...

4.2 Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty – trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

4.3 Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. BKS có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Giám đốc.

4.4 Ban Giám đốc

BGD gồm 3 thành viên trong đó có 1 Giám đốc phụ trách chung, 1 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh và 1 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất.

- **Giám đốc:** là người trực tiếp lãnh đạo toàn bộ và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Giám sát và chỉ đạo trực tiếp các Phó Giám đốc, các phòng ban chức năng, chịu trách nhiệm trước HĐQT toàn bộ những hoạt động của mình.
- **Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh:** được Giám đốc phân công trực tiếp phụ trách Phòng Kinh doanh. Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ trong công tác xây dựng các kế hoạch về thu mua, tiêu thụ và luân chuyển hàng hóa, vận tải...

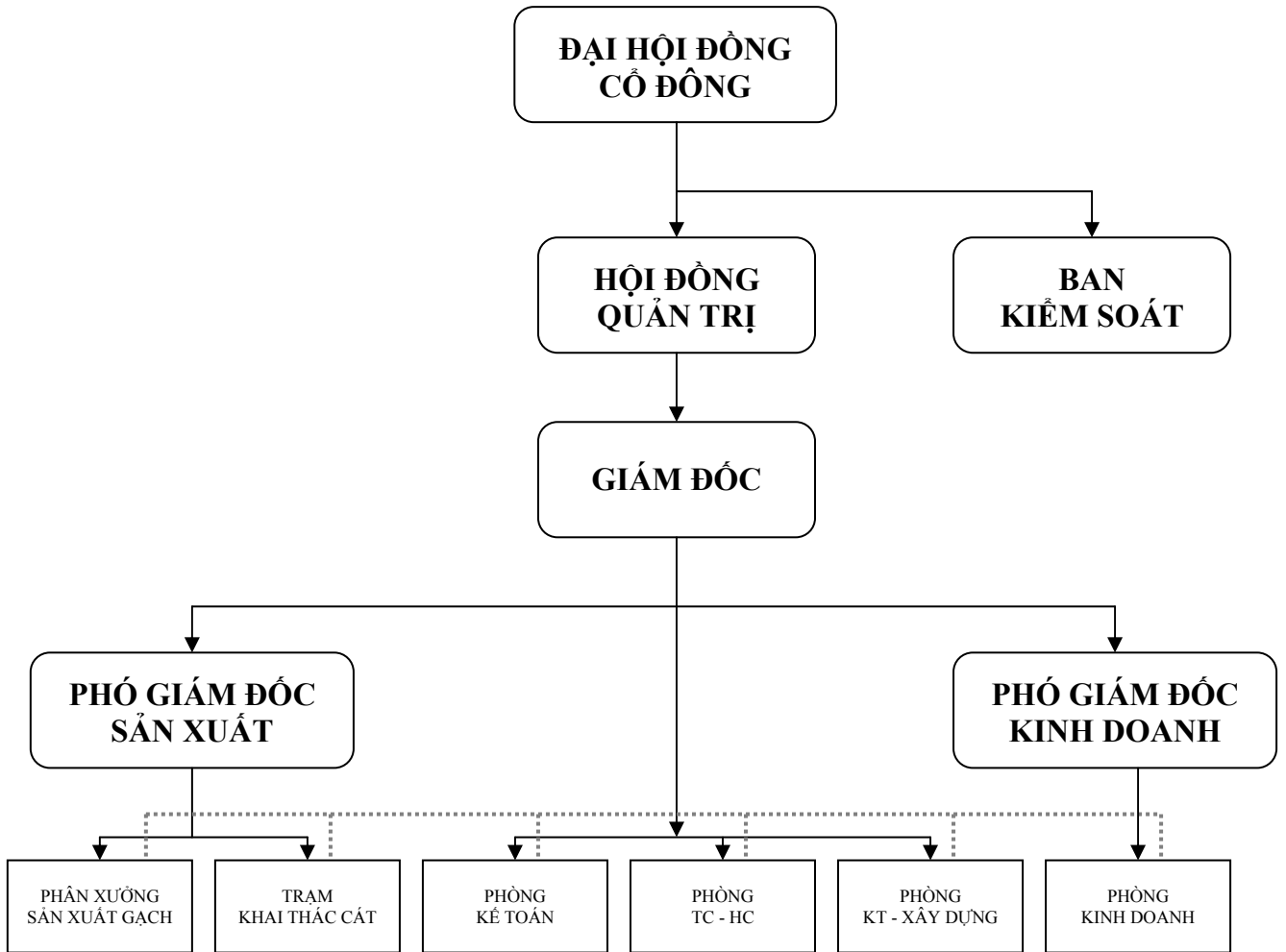
Thực hiện nhiệm vụ phân tích về giá cả, nhu cầu thị trường và xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, làm tham mưu giúp Giám đốc ra quyết định thực hiện các hoạt động kinh doanh và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kết quả công việc được phân công.

- **Phó Giám đốc phụ trách sản xuất:** được Giám đốc phân công chỉ đạo trực tiếp Phân xưởng sản xuất gạch và Trạm khai thác cát, thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất đã đề ra. Tham mưu cho Giám đốc về việc tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm, tham gia xây dựng, thực hiện các kế hoạch đầu tư cải tiến thiết bị và mở rộng sản xuất, và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kết quả các công việc được phân công.

4.5 Các phòng ban nghiệp vụ và bộ phận trực thuộc

- Ban Giám đốc: gồm 3 người
- Phòng Tổ chức – Hành chính: 6 người
- Phòng Tài chính – Kế toán: 7 người
- Phòng Kỹ thuật – Xây dựng: 15 người
- Phòng Kinh doanh: 59 người
- Phân xưởng sản xuất gạch: 24 người
- Trạm khai thác cát: 25 người

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA VLXD BẾN TRE



Ghi chú:

—————> : Chỉ đạo trực tiếp

..... : Quan hệ nghiệp vụ

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

5.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến thời điểm 30/10/2009)

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số GCNĐKKD	Số CP	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	15A Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm, Hà Nội	106000737	2.014.626	49,76%

5.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300108704 (số cũ: 5503000020) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 23/07/2009, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

TT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần
1	Lê Đình Nhiên	81/2A Nguyễn Huệ, P. 4, TX Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	57.937
2	Lê Văn Thịnh	391C3 Khu phố 3, P. Phú Khương, TX Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	81.629
3	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước <i>Đại diện vốn Nhà nước:</i> Ngô Hữu Tài	15A Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm, Hà Nội E6 Khu phố 5, P. Phú Khương, TX Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	2.014.626
4	Ngô Hữu Tài	E6 Khu phố 5, P. Phú Khương, TX Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	157.226
	Tổng cộng		2.311.418

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 thì “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho các cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Sau thời hạn 3 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập bị hủy bỏ”.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 01/09/2004. Do đó, đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, những hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều đã bị hủy bỏ.

5.3 Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 30/10/2009

TT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tổng mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	2.014.626	20.146.260.000	49,76%
2	CBCNV Công ty	785.959	7.859.590.000	19,41%
3	Cổ đông ngoài Công ty	1.248.421	12.484.210.000	30,83%
	Tổng cộng	4.049.006	40.490.060.000	100%

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết

6.1 Danh sách các công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre

Không có.

6.2 Danh sách các công ty mà Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối.

Không có.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản phẩm, dịch vụ chính

7.1.1 Kinh doanh vật liệu xây dựng

Trong những năm qua, diễn biến thị trường không thuận lợi cho lĩnh vực vật liệu xây dựng (giá một số nguyên liệu, nhiên liệu biến động phức tạp, nợ tồn đọng phát sinh trong các công trình xây dựng cơ bản có vốn từ ngân sách,...). Từ thực tế đó, HĐQT và BGD đã chọn lọc những khách hàng uy tín và có năng lực để duy trì mối quan hệ đối tác kinh doanh ổn định, lâu dài; đồng thời trong chỉ đạo, điều hành đã đề ra nhiều giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã có những nỗ lực và cố gắng vượt bậc, phát huy tối đa các thế mạnh của mình; năng động, nhạy bén trong việc thu hút khách hàng, mở rộng thị trường, nhất là khu vực xây dựng dân dụng, qua đó, đã góp phần ổn định hoạt động kinh doanh, giữ vững vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Hiện nay, Công ty có những khách hàng là các nhà thầu xây dựng trong và ngoài tỉnh, có mối quan hệ gắn bó với Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng có mạng lưới hơn 50 điểm tiêu thụ phân bố ở khắp các huyện thị trong tỉnh. Ngoài 20% thị phần vật liệu xây dựng trong tỉnh Công ty đang nắm giữ, VLXD Bến Tre cũng đang có kế hoạch mở rộng thị trường khu vực trong tỉnh cũng như các tỉnh lân cận (nhất là thị trường tiêu thụ cát san lấp).

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tận dụng những lợi thế sẵn có, HĐQT và BGD Công ty đã quyết định mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh mang tính hỗ trợ nhau trong phát triển, ví dụ như: đầu tư phân xưởng sản xuất tole và xà gồ, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch bê tông tự chèn, mở rộng kinh doanh mặt hàng trang trí nội ngoại thất, trang bị thêm các phương tiện thiết bị vận tải và thi công, đẩy mạnh hoạt động san lấp mặt bằng, mở rộng ngành nghề thi công xây dựng,...

7.1.2 Khai thác cát

Hoạt động khai thác cát đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các địa bàn lân cận. Đồng thời, tình trạng bơm hút cát trái phép diễn ra tràn lan với quy mô ngày càng lớn đã gây ra tình trạng không ổn định cả về giá cả lẫn sản lượng trong lĩnh vực này, trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, thực tế việc đóng phí bảo vệ môi trường cho đến nay vẫn chưa đồng bộ giữa các địa phương. Đối với VLXD Bến Tre, nghĩa vụ trên luôn được tính đúng, tính đủ, nhưng đối với những địa phương khai thác theo hình thức khoán sản lượng, nhà khai thác chỉ thực hiện việc đóng phí theo sản lượng được giao khoán, thậm chí đối với hình thức khai thác bơm hút, chủ đầu tư hoàn toàn không thực hiện nghĩa vụ đóng phí như trên.

Để tháo gỡ những khó khăn này, Công ty đã tập trung giữ vững khả năng cạnh tranh, duy trì và mở rộng hệ thống tiêu thụ ở các tỉnh thành lân cận như Tiền Giang, Long An và TP. Hồ Chí Minh.

Cùng với việc mở rộng hệ thống tiêu thụ, Công ty cũng đã có chủ trương nâng cao năng lực cung ứng thông qua việc tìm kiếm và xin cấp phép khai thác các mỏ cát nhiều tiềm năng.

Trong năm 2008, Công ty đã được UBND tỉnh Bến Tre cấp giấy phép khai thác 2 mỏ cát: Tiên Thủy – An Hiệp, An Hiệp – Sơn Hòa trên sông Hàm Luông, với công suất khai thác trên 950.000m³/năm.

STT	Mỏ cát	Số giấy phép	Trữ lượng (triệu m ³)	Thời hạn khai thác
1	An Hiệp – Sơn Hòa	1333/QĐ-UBND ngày 15/07/2008	4,081	08/2016
2	Tiên Thủy – An Hiệp	1334/QĐ-UBND ngày 15/07/2008	3,188	08/2016

Ngoài ra, Công ty cũng đang xin phép thăm dò trữ lượng và tiến hành các thủ tục xin phép khai thác ở một số mỏ cát mới trên sông Cổ Chiên, sông Cửa Đại và một số khu vực khác.

Song song với hoạt động trên, ban lãnh đạo còn chú trọng tăng cường công tác quản lý ở các mỏ, đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác, hạn chế đến mức tối đa những rủi ro nhân lực, vật lực có thể phát sinh.

7.1.3 Sản xuất vật liệu xây dựng

- *Sản xuất gạch nung:*

Đối với hoạt động sản xuất gạch nung, một trong những khó khăn mà các doanh nghiệp thường xuyên gặp phải là tình trạng thiếu hụt về nguồn nguyên liệu. Mặc dù Ban Giám đốc Công ty đã tìm kiếm nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, như chủ động tìm nguồn cung ứng mới, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nguyên liệu,... vấn đề thiếu hụt nguyên liệu vẫn chưa thể giải quyết triệt để.

Mặt khác, hiệu quả công tác điều hành quản lý tại Phân xưởng Sản xuất gạch còn hạn chế, phân công lao động và điều phối nhân lực chưa thật sự hợp lý, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Phân xưởng.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, BGD Công ty đã tiến hành sắp xếp lại nhân sự, tổ chức lại các hoạt động sản xuất, đầu tư dây chuyền, cải tiến công nghệ và tích cực tìm kiếm phương án giải quyết bài toán về nguồn nguyên liệu.

- *Sản xuất gạch bê tông tự chèn, tole và xà gồ các loại:*

Được triển khai sản xuất từ năm 2005, các sản phẩm bê tông tự chèn, tole và xà gồ của VLXD Bến Tre tương đối mới mẻ trên thị trường. Tuy nhiên, do đã có quá trình nghiên cứu, tìm hiểu thông tin, nên các sản phẩm đưa ra đều phù hợp với thị hiếu và xu hướng của thị trường, do đó hoạt động sản xuất đã tồn tại được, phát triển và đến nay đã đi vào ổn định.

Triển khai sản xuất các mặt hàng trên là một định hướng đúng đắn của VLXD Bến Tre. Với một số thành quả đã đạt được bước đầu, Công ty sẽ tiếp tục phát huy các thế mạnh của mình nhằm mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này.

7.1.4 Hoạt động thi công xây dựng và san lấp mặt bằng

Nhìn thấy cơ hội trên thị trường, tận dụng lợi thế từ các hoạt động kinh doanh đang triển khai, HĐQT, BGD Công ty đã quyết định mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang một số ngành nghề khác. Với việc thành lập bộ phận Kỹ thuật – Xây dựng vào cuối năm 2006, VLXD Bến Tre đã tích cực đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng và san lấp mặt bằng. Bước đầu các hoạt động này đã đạt được một số kết quả khả quan, đóng góp đáng kể cho tăng trưởng doanh thu của Công ty.

Thông qua hoạt động này, với việc nhận thầu thi công các công trình như: san lấp mặt bằng cụm công nghiệp An Hiệp – Châu Thành – Bến Tre; thi công công trình Trường THCS thị trấn Bình Đại; các công trình cho cục Hậu cần Công an tỉnh Bến Tre, bó lán vỉa hè nội ô thị xã,... VLXD Bến Tre đã gây dựng được uy tín thương hiệu, tạo thuận lợi cho Công ty trong việc tiếp cận với các khách hàng mở rộng tiêu thụ các sản phẩm dịch vụ khác của Công ty.

7.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

7.2.1 Sản lượng sản xuất qua các năm

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2008	9 tháng đầu năm 2009
Khai thác cát	m ³	2.645.765	3.060.867	2.471.417
Gạch nung (thành phẩm)	1000 viên	2.044	2.300	2.058
Gạch bê tông tự chèn	m ²	6.480	8.434	160
Tole và xà gồ các loại	m	30.772	23.350	15.651

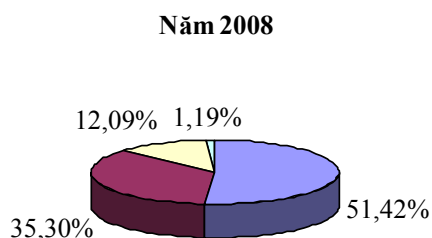
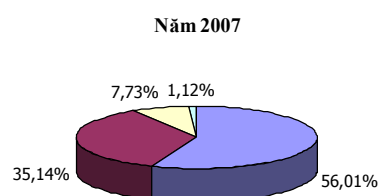
Nguồn: VLXD BẾN TRE

7.2.2 Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

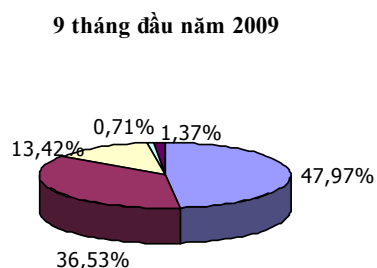
Đơn vị tính: Ngàn đồng

Khoản mục	Năm 2007	Tỷ lệ	Năm 2008	Tỷ lệ	9 tháng đầu năm 2009	Tỷ lệ
Doanh thu hàng hóa	76.252.514	56,01%	79.814.857	51,42%	52.954.476	48,63%
Doanh thu thành phẩm	47.837.403	35,14%	54.792.665	35,30%	40.325.256	37,04%
Doanh thu san lấp và xây dựng	10.529.455	7,73%	18.768.271	12,09%	14.819.053	13,61%
Doanh thu vận tải	1.527.668	1,12%	1.840.395	1,19%	786.735	0,72%
Tổng	136.147.040	100%	155.216.188	100%	108.885.520	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009



- Doanh thu hàng hóa
- Doanh thu thành phẩm
- Doanh thu san lấp và xây dựng
- Doanh thu vận tải
- Doanh thu khác



Doanh thu 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty VLXD Bến Tre đạt được hơn 71% mức doanh thu của năm 2008. Dự kiến doanh thu phát sinh trong các tháng cuối năm cũng sẽ đạt được những mức khả quan, do hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng có tính mùa vụ, các tháng cuối năm là thời điểm các hoạt động thi công xây dựng sẽ diễn ra sôi động.

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng (xi măng, sắt thép, gạch, đá,...) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu hoạt động, trung bình các năm khoảng hơn 50%. Để đảm bảo tính linh hoạt và tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban Giám đốc đã thực hiện các bước đa dạng hóa sản phẩm và ngành nghề kinh doanh, xây dựng các kế hoạch đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh sang nhiều lĩnh vực Công ty có lợi thế và tiềm năng.

7.3 Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính để sản xuất *gạch nung* là đất sét và trấu. Sản lượng các nguồn nguyên liệu này đang ngày càng ít dần, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp. Do vậy, Công ty đang chuyển hướng mục tiêu của hoạt động sản xuất gạch nung, phục vụ cho mục tiêu chiến lược hơn, là để đáp ứng nhu cầu gạch nung của các công trình Công ty nhận thầu thi công, đảm bảo không xảy ra tình trạng bị thiếu hụt nguồn vật liệu xây dựng.

Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất *bê tông màu tự chèn* là: xi măng, cát xây dựng, đá 1x2, đá mi, bột màu và các chất phụ gia. Chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 60% chi phí sản xuất.

Đối với hoạt động sản xuất *tole* và *xà gỗ*, nguồn nguyên vật liệu chính là tole cuộn, với chi phí chiếm khoảng 90% giá thành sản phẩm.

Với tình hình biến động thất thường của giá các loại nguyên vật liệu thời gian gần đây, Công ty đã chủ động trong việc dự trữ hợp lý, hạn chế ảnh hưởng của tình trạng khan hiếm nguồn nguyên liệu, tác động đến chi phí đầu vào, đảm bảo ổn định sản xuất. Công ty đã thực hiện đầu tư hệ thống kho bãi với sức chứa hơn 800 tấn xi măng, 100 tấn sắt thép và hệ thống các bãi chứa được hơn 2.000m³ cát, đá các loại.

Cùng với hệ thống kho bãi trên, nhằm đạt được mục tiêu ổn định nguồn nguyên liệu, Công ty cũng đã thiết lập các mối quan hệ đối tác lâu dài với các nhà cung cấp. Lợi thế của Công ty là các nhà cung cấp nguyên vật liệu cũng như hàng hóa đầu vào đều là những nhà sản xuất uy tín, có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, với sản phẩm đạt chất lượng và ổn định. Qua quá trình hợp tác lâu dài, VLXD Bến Tre cũng nhận được nhiều ưu đãi từ các nhà cung cấp với nhiều chính sách mua hàng linh hoạt được thực hiện.

7.4 Chi phí sản xuất

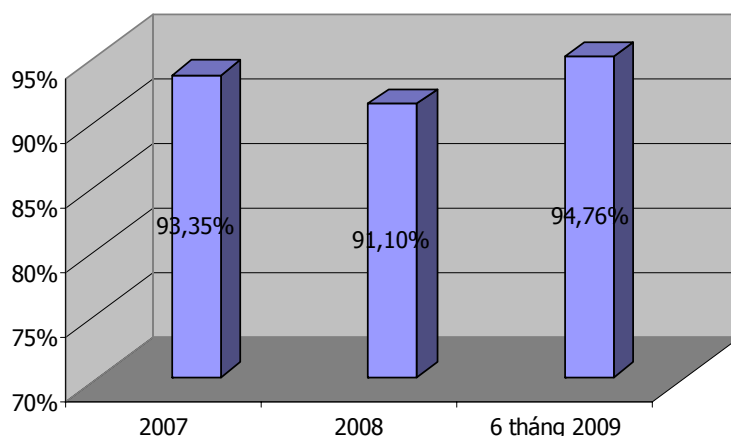
Cơ cấu các khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty được trình bày trong bảng sau:

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Khoản mục	Năm 2007	Tỷ lệ so với doanh thu thuần	Năm 2008	Tỷ lệ so với doanh thu thuần	9 tháng đầu năm 2009	Tỷ lệ so với doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	121.794.612	89,46%	134.355.869	86,56%	99.533.056	91,41%
Chi phí bán hàng	2.289.686	1,68%	3.994.276	2,57%	1.894.786	1,74%
Chi phí QLDN	3.013.060	2,21%	3.062.091	1,97%	1.757.985	1,61%
Tổng	127.097.358	93,35%	141.412.236	91,11%	103.185.827	94,77%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2007, 2008, Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009

Tỷ lệ chi phí sản xuất so với doanh thu thuần



Do đặc thù hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn so với các khoản mục chi phí khác, với tỷ trọng bình quân khoảng 90% so với doanh thu thuần. Các khoản mục chi phí khác, nhìn chung, được quản lý và duy trì ở mức hợp lý. Với chi phí bán hàng trung bình chiếm khoảng 2% so với doanh thu thuần, chi phí quản lý là hơn 1,9%.

7.5 Trình độ công nghệ

Do đặc thù của ngành nghề kinh doanh, các máy móc thiết bị của Công ty tuy đã được sử dụng trong một thời gian, nhưng vẫn đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động sản xuất.

Các thiết bị phục vụ khai thác cát gồm các phương tiện thủy như: xáng cạp, đầu kéo, sà lan, ghe tải,...

Các dây chuyền phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty gồm: dây chuyền ép gạch, dây chuyền cán tole, dây chuyền cán xà gỗ, dây chuyền cuộn tole vòm.

Ngoài ra, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty còn có hệ thống phương tiện vận tải và truyền dẫn như: xe tải (11 chiếc), thiết bị bốc dỡ hàng hóa (2 cần cầu bờ, 1 băng tải xi măng); và các thiết bị phục vụ thi công: xe ủi (3 chiếc), xe đào bánh xích (2 chiếc), xe lu (3 chiếc).

7.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong những năm vừa qua, do hiệu quả kinh doanh, Công ty chủ yếu tập trung nhiều vào hoạt động khai thác cát, kinh doanh phân phối vật liệu xây dựng và hoạt động thi công các công trình. Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới chưa thực sự được đẩy mạnh trong thời gian qua.

Thời gian tới, để đón nhận cơ hội tạo ra bởi việc hoàn thành công trình cầu Rạch Miễu, cây cầu góp phần kéo gần khoảng cách của tỉnh Bến Tre với tuyến Quốc lộ huyết mạch của quốc gia; nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội đầu tư trên địa bàn tỉnh Bến Tre và khu vực các tỉnh lân cận; tận dụng lợi thế của Công ty về nguồn nguyên vật liệu, BGD Công ty có kế hoạch sẽ triển khai dự án đầu tư sản xuất bê tông tươi với quy mô lớn và dây chuyền sản xuất tiên tiến. Đây sẽ là nguồn cung cấp bê tông tươi đầu tiên tại khu vực tỉnh Bến Tre. Lĩnh vực kinh doanh này, khi được triển khai và đi vào hoạt động ổn định, hứa hẹn sẽ đóng góp đáng kể cho nguồn thu nhập của Công ty.

7.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Tất cả các sản phẩm của Công ty đều được sản xuất và đăng ký kiểm định theo tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam.

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng thông qua các trung tâm kiểm định trung gian.

Bên cạnh thành phẩm, BGD Công ty cũng rất quan tâm đến việc kiểm soát và đảm bảo chất lượng của các nguồn cung nguyên vật liệu và hàng hóa đầu vào. Công ty chỉ chấp nhận các loại nguyên vật liệu và sản phẩm vật liệu xây dựng đảm bảo phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng chú ý đến việc lưu kho hàng hóa và nguyên vật liệu một cách hợp lý, đảm bảo chất lượng hàng hóa, tránh hiện tượng bị giảm sút chất lượng, hàng hóa không đồng nhất do sự bảo quản không tốt trong quá trình lưu kho.

7.8 Hoạt động marketing

7.8.1 Hoạt động nghiên cứu, tiếp thị và quảng bá thương hiệu

Hoạt động nghiên cứu, khảo sát thông tin thị trường luôn giành được sự quan tâm từ BGD Công ty. Việc theo dõi và nắm bắt tình hình nhu cầu thị trường được Công ty tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc và bài bản. Thông tin về từng khu vực thị trường được báo cáo và tập hợp bởi phòng Kinh doanh. Các báo cáo này được gửi định kỳ cho BGD để xem xét và ra những quyết định phù hợp liên quan đến định hướng và phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với hoạt động quảng bá sản phẩm, các sản phẩm của Công ty được giới thiệu rộng rãi đến khách hàng thông qua catalogue, gửi hàng mẫu và thông qua hệ thống phân phối. Ngoài ra, Công ty VLXD Bến Tre cũng thực hiện quảng bá hình ảnh trên một số phương tiện thông tin đại chúng, như: thường xuyên đăng tải thông tin về doanh nghiệp trên báo Đồng Khởi cũng như trên một số tờ báo khác, đặc biệt vào những dịp Lễ, Tết; tham gia tài trợ cho các chương trình xã hội tại địa phương như chương trình xây dựng hệ thống giao thông nông thôn, nhà bia liệt sĩ, tặng tập vở cho học sinh nghèo, v.v...

7.8.2 Hệ thống phân phối

Công ty đã tạo được kênh tiêu thụ sản phẩm truyền thống, ổn định trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận với hệ thống phân phối gồm hơn 50 vệ tinh, đồng thời thiết lập mối quan hệ thường xuyên, gắn bó với hơn 15 nhà thầu và đơn vị thi công. Với từng đối tượng khách hàng khác nhau, Công ty sẽ xây dựng chính sách bán hàng phù hợp, như chính sách về: giá, chiết khấu, phương thức và thời hạn thanh toán,... Thị trường chính của Công ty tập trung ở địa bàn tỉnh Bến Tre và các tỉnh lân cận như Tiền Giang, Long An, TP. Hồ Chí Minh,... Dự kiến sắp tới, Công ty sẽ mở rộng thị trường sang các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh và vươn ra các tỉnh xa hơn.

7.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại Công ty chưa thực hiện đăng ký nhãn hiệu thương mại.

7.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

7.10.1 Hợp đồng thi công xây dựng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Số hợp đồng	Đối tác	Giá trị	Ghi chú
1	10/HĐ-XD ngày 20/05/2008	Công ty TNHH 1TV Công trình đô thị tỉnh Bến Tre	2.179.196.760	Đã thực hiện
2	27/HĐ-XD ngày 22/11/2007	Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Bến Tre (Công trình Trường trung cấp nghề Bến Tre)	3.855.000.000	Đã thực hiện
3	17/HĐ-XD ngày 28/08/2009		3.312.047.267	Đang thực hiện
4	01/HĐ-XD ngày 08/05/2008	Công trình Chùa Tân Bửu, huyện Ba Tri	7.595.000.000	Đang thực hiện
5	01/HĐXL-CAT ngày 07/04/2009	Công An tỉnh Bến Tre	4.180.000.000	Đang thực hiện
6	47/HĐ-XD ngày 25/06/2009	Công ty Phát triển hạ tầng KCN tỉnh Bến Tre (Công trình khu Trung tâm điều hành Khu công nghiệp Giao Long)	10.268.053.712	Đang thực hiện
7	11/HĐ-XD ngày 30/06/2009	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre	7.500.000.000	Đang thực hiện

7.10.2 Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Số hợp đồng	Đối tác	Giá trị	Thời gian thực hiện
1	07/HĐ-VLXD ngày 31/12/2007	DNTN Mỹ An	4.257.934.000	2008
2	15/HĐ-VLXD ngày 31/12/2008		3.113.267.100	2009
3	02/HĐ-VLXD ngày 02/01/2008	Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Hòa	1.388.257.750	2008
4	02/HĐ-VLXD ngày 31/12/2008		842.140.470	2009

STT	Số hợp đồng	Đối tác	Giá trị	Thời gian thực hiện
5	53/HĐ-VLXD ngày 08/03/2008	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông Bến Tre	2.859.553.256	2008
6	06/HĐ-VLXD ngày 31/12/2008		2.281.641.528	2009
7	14/HĐ-VLXD ngày 16/07/2008	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (Công trình Trụ sở Công ty Bảo Minh Bến Tre)	4.292.965.000	2008 – 2009

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm liền trước năm đăng ký niêm yết

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	9 tháng đầu năm 2009	Tốc độ tăng trưởng năm 2008/2007
Tổng giá trị tài sản	43.103.807.661	53.225.182.465	90.096.946.774	23,48%
Doanh thu thuần	136.147.040.738	155.216.187.840	108.885.520.132	14,01%
Lợi nhuận từ HĐKD	9.456.135.144	14.217.198.527	6.367.400.799	50,35%
Lợi nhuận khác	954.726.195	1.162.707.976	768.139.851	21,78%
Lợi nhuận trước thuế	10.410.861.339	15.379.906.503	7.135.540.650	47,73%
Lợi nhuận sau thuế	8.953.025.752	13.387.140.236	6.511.181.563	49,53%
Mức cổ tức	37,60%	39,75%	-	6,00%

Nguồn: VLXD Bến Tre; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009

Mức cổ tức 37,60% của năm 2007 bao gồm:

	Tỷ lệ	Thời gian thực hiện
Đợt 1	10% vốn điều lệ 19.751.250.000 đồng	08/2007
Đợt 2	15% vốn điều lệ 19.751.250.000 đồng	01/2008
Đợt 3	12,6% vốn điều lệ 19.751.250.000 đồng	06/2008

Mức cổ tức 39,75% của năm 2008 bao gồm:

	Tỷ lệ	Thời gian thực hiện
Đợt 1	35% vốn điều lệ 19.751.250.000 đồng	12/2008
Đợt 2	4,75% vốn điều lệ 19.751.250.000 đồng	05-06/2009

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

8.2.1 Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ nhiệt tình của các sở, ban ngành liên quan và các địa phương nơi đơn vị tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh khá cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực (khu vực I giảm dần và khu vực II, III tăng dần qua các năm); các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội đều có sự tăng trưởng. Tình hình kinh tế khả quan như trên đã tác động tích cực tới đời sống của đại đa số người dân, làm gia tăng nhu cầu xây dựng mới và cải thiện nhà ở tại địa bàn khu vực. Bên cạnh đó, chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị của tỉnh cũng tạo nhiều thuận lợi cho Công ty.
- Trong quá trình hình thành và phát triển, VLXD Bến Tre là một trong số những công ty tạo dựng được uy tín, được nhiều người biết đến trên thị trường khu vực tỉnh. Với các chính sách phù hợp và thường xuyên đổi mới phương thức kinh doanh, Công ty đã giữ vững mạng lưới vệ

ting bán lẻ khắp địa bàn trong tỉnh và nhận được sự hợp tác của các khách hàng cả trong và ngoài tỉnh.

- Đội ngũ cán bộ chủ chốt đầy nhiệt huyết, có tầm nhìn và quyết đoán, chủ động đề ra các biện pháp tháo gỡ khó khăn, đổi mới hoạt động sản xuất, mở rộng ngành nghề kinh doanh. Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn có tinh thần đoàn kết, gắn bó, góp phần tạo sự ổn định để phát triển Công ty.

8.2.2 Khó khăn

- Diễn biến thị trường nguyên vật liệu trong năm qua biến động tương đối phức tạp. Do ảnh hưởng của thị trường thế giới, giá nhiều loại vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào thường xuyên thay đổi theo chiều hướng khó lường (như giá xăng dầu, sắt thép, xi măng,...).
- Thị trường tài chính năm 2008 cũng có những biến động không ngờ. Như cuộc đua lãi suất lãi suất của các ngân hàng vào giữa năm 2008, đẩy các doanh nghiệp vào tình trạng khó khăn do thiếu hụt về vốn trong sản xuất kinh doanh.
- Mặc dù đã cố gắng tìm kiếm các giải pháp để chủ động nguồn cung đầu vào, nhưng nguồn cung hàng hóa và nguyên vật liệu đôi khi cũng gặp phải sự thiếu ổn định.
- Một số ít CBCNV trong Công ty có năng lực còn hạn chế, thiếu tích cực trong công việc, hiệu quả và đóng góp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa cao.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long hiện là một khu vực đang trên đà phát triển với tốc độ đô thị hóa rất cao. Thị trường tiềm năng này đã mở ra cho Công ty và các đơn vị cùng ngành cơ hội kinh doanh rất lớn với nhiều công trình xây dựng trọng điểm mang tầm vóc khu vực và quốc gia, cụ thể là cầu Rạch Miễu, các đường cao tốc, các khu đô thị mới,...

Vị thế của Công ty tại thị trường Bến Tre và một số tỉnh lân cận rất tốt. Công ty chiếm thị phần đáng kể trong mảng kinh doanh vật liệu xây dựng tại khu vực này. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang nhắm đến mở rộng thị trường sang nhiều tỉnh thành lân cận khác. Định hướng trong thời gian sắp tới sẽ là phát triển hệ thống phân phối ra các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, TP. Hồ Chí Minh và vươn đến các thị trường còn nhiều tiềm năng.

Đối với hoạt động khai thác cát, Công ty hiện vẫn đang dẫn đầu trên thị trường khu vực. Với chất lượng tốt, cùng với những cố gắng trong chính sách ổn định giá bán, nên sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao, thể hiện qua doanh số tiêu thụ lớn và ổn định.

Dù gặp phải cạnh tranh gay gắt từ các công ty tên tuổi trong hầu hết các hoạt động kinh doanh, nhưng ban lãnh đạo VLXD Bến Tre vẫn luôn cố gắng duy trì chiến lược đảm bảo chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ để giữ vững khả năng cạnh tranh trên thị trường.

9.2 Triển vọng ngành

Dự báo nhu cầu phát triển vật liệu xây dựng ở Việt Nam, thể hiện thông qua công suất thiết kế và sản lượng vật liệu xây dựng trong Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 (phê duyệt bởi Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ), như sau:

STT	Chủng loại	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
1	Xi măng	Triệu tấn	59,02	88,5	112
2	Gạch ốp lát ceramic, granite	Triệu m ²	206	302	414
3	Sứ vệ sinh	Triệu sp	9	13	21
4	Kính xây dựng	Triệu m ²	93	135	200,4
5	Vật liệu xây Trong đó vật liệu xây không nung	Tỷ viên	25	32	42
			2,5	6,4 – 8	12,6 – 16,8
6	Vật liệu lợp	Triệu m ²	126	171	224
7	Đá xây dựng	Triệu m ³	104	148	204
8	Cát xây dựng	Triệu m ³	97	136	190
9	Đá ốp lát	Triệu m ²	7,0	10 - 11	14 - 15

Tốc độ tăng trưởng sản lượng dự kiến trong giai đoạn 2010 – 2015 của xi măng là khoảng gần 10%/năm, của cát xây dựng khoảng 8%/năm, của vật liệu xây là 6%/năm.

Có thể nói, ngành vật liệu xây dựng, do tác động từ xu hướng đầu tư kinh doanh bất động sản, nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng, là một trong những ngành đang phát triển với tốc độ nhanh và vẫn còn tiềm năng lớn. Theo tầm nhìn của Chính phủ thể hiện trong quy hoạch phát triển đô thị của Việt Nam đến năm 2020, nhu cầu về nhà ở và văn phòng sẽ tăng gấp đôi trong 5 năm tới và tăng gấp 4-7 lần sau 15 năm.

9.3 *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới*

Kế hoạch kinh doanh của đơn vị trong những năm sắp tới được xây dựng sát với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bến Tre, và theo đúng định hướng chủ trương của Chính phủ, và gắn liền với mục tiêu của Ban lãnh đạo Công ty, phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng tại khu vực tỉnh Bến Tre và các tỉnh lân cận.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 *Số lượng người lao động trong Công ty*

Tổng số lao động tính đến thời điểm 30/10/2009 là 139 người, trong đó:

- + Lao động trực tiếp: 123 người
- + Lao động gián tiếp: 16 người

10.2 *Trình độ chuyên môn*

- + Đại học và trên Đại học: 20 người
- + Trung cấp và cao đẳng: 16 người
- + Lao động kỹ thuật: 53 người
- + Lao động phổ thông: 50 người

10.3 *Chính sách đào tạo, lương thưởng*

10.3.1 *Chế độ làm việc*

Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần.

Đối với các công việc đặc thù, do yêu cầu của tính chất công việc, thời gian làm việc có thể sắp xếp linh hoạt hơn, như:

- Bộ phận kho, cửa hàng: Ngày chủ nhật nhân viên bộ phận vẫn thay phiên nhau làm việc bình thường. Người làm việc ngày chủ nhật sẽ được bố trí một ngày nghỉ bù trong tuần kế tiếp.
- Hoạt động vận tải thủy: Làm việc theo chuyến công tác trên phương tiện vận chuyển vật tư, hàng hóa.
- Hoạt động vận tải bộ: Làm việc theo nhu cầu vận chuyển vật tư, hàng hóa, lương sẽ được khoán theo doanh thu vận chuyển.

- Hoạt động của bộ phận cơ giới, thi công xây dựng, san lấp mặt bằng: Thời gian làm việc tính theo giờ của phương tiện hoạt động thực tế.
- Hoạt động tại Trạm khai thác cát: Do tính chất công việc thường xuyên hoạt động trên sông nước, thời gian làm việc tùy thuộc vào thời gian phương tiện đến nhận hàng, lao động được sắp xếp nghỉ ngơi tại chỗ và được bố trí mỗi tháng nghỉ bù 5 ngày.
- Hoạt động tại Phân xưởng sản xuất gạch: Thời gian làm việc mỗi ngày là 8 giờ. Đối với nhân viên dây chuyền sản xuất gạch, áp dụng theo định mức khoán sản phẩm. Các trường hợp lao động trong điều kiện nặng nhọc, nóng, bụi độc hại thì thời gian làm việc được tính theo quy định của Nhà nước.

10.3.2 Chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi

Hàng năm, được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT xét duyệt chính sách tiền lương căn cứ các quy định pháp luật hiện hành cũng như kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Người lao động hưởng lương theo sản phẩm, doanh thu, tiền lương được trả cho người lao động căn cứ theo chức danh, nhiệm vụ, công việc tham gia thực tế, ngày công lao động và hiệu quả công việc.

Tùy theo thang bậc lương, thời gian được xét nâng lương của người lao động là mỗi 2 đến 4 năm.

Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty là:

- Tham quan, nghỉ dưỡng.
- Trợ cấp cho người lao động thật sự khó khăn về đời sống kinh tế nhưng có ý thức trách nhiệm trong công việc.
- Khen thưởng cho nhân viên có đóng góp tích cực cho hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

10.3.3 Chế độ bảo hiểm

Giám đốc chịu trách nhiệm về việc trích nộp và thanh toán các chế độ bảo hiểm của người lao động đúng theo quy định của nhà nước.

10.3.4 Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài, kinh phí đào tạo nhân sự hàng năm

Công ty ưu tiên tuyển dụng hoặc ký lại hợp đồng lao động với những người đã có thời gian làm việc trong Công ty và con em của người lao động nếu đảm bảo năng lực và phù hợp với yêu cầu công việc.

Tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, Công ty sẽ có chính sách hỗ trợ kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng, kế hoạch của Công ty, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong các giai đoạn sắp tới.

11. Chính sách cổ tức

Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị trong các cuộc họp thường niên. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh và kế hoạch về nguồn vốn phục vụ cho đầu tư phát triển trong các năm tới. Trong các năm qua, mức trả cổ tức của Công ty đều được duy trì ở mức cao.

Với kết quả đạt được trong các năm qua, cổ tức đã được chia cho cổ đông như sau:

- Năm 2005 : Cổ tức bằng 35% vốn điều lệ;
- Năm 2006 : Cổ tức bằng 32% vốn điều lệ;
- Năm 2007 : Cổ tức bằng 37,60% vốn điều lệ;
- Năm 2008 : Cổ tức bằng 39,75% vốn điều lệ;

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

12.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được xác định tại khung thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình ban hành theo Quyết định 206/2003/QĐ – BTC ngày 12/12/2003 như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 17 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải	07 – 10 năm
+ Thiết bị văn phòng	03 – 15 năm

12.1.2 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hiện nay của cán bộ công nhân viên trong Công ty nằm ở mức trung bình khá so với các Công ty cùng ngành và so với đời sống kinh tế tại địa phương.

Mức lương bình quân dự kiến của cán bộ công nhân viên Công ty trong năm 2009 là 2,5 – 3 triệu đồng/người/tháng.

12.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

12.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác cho người lao động.

12.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành. Tỷ lệ các quỹ trên được Hội đồng Quản trị quyết định từng năm và trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.

Tỷ lệ trích lập các quỹ qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	2007	2008
Quỹ Đầu tư phát triển	20%	20%
Quỹ Dự phòng tài chính	3%	5%
Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi	10%	12,5%

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2008, 2009

Số dư các quỹ tại các thời điểm như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Quỹ Đầu tư phát triển	27.321.835	3.103.303.136	3.103.303.136
Quỹ Dự phòng tài chính	569.632.799	1.031.029.994	1.031.029.994
Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi	882.413.866	1.927.837.867	679.793.585

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2007, 2008, Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009

12.1.6 Tổng dư nợ vay

VLXD Bến Tre hầu như không sử dụng nợ hoặc sử dụng với tỷ lệ rất thấp, do đó, rủi ro thanh khoản từ việc sử dụng nợ hầu như không có.

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Vay ngắn hạn	-	646.685.612	-
Vay dài hạn	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2007, 2008, Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009

12.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Các khoản phải thu			
Phải thu của khách hàng	20.293.448.209	21.061.383.107	23.017.124.255
Trả trước cho người bán	620.921.092	1.202.188.502	1.320.575.847
Các khoản phải thu khác	929.227.176	3.691.288.397	8.228.782.844
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(640.444.118)	(898.779.052)	(898.779.052)
Các khoản phải trả			
<i>Nợ ngắn hạn</i>			
Vay và nợ ngắn hạn	-	646.685.612	-
Phải trả cho người bán	8.453.802.746	6.023.856.791	15.547.214.359
Người mua trả tiền trước	1.285.862.520	10.487.187.432	17.666.302.883
Thuế và các khoản phải nộp NN	1.793.723.662	2.205.676.741	1.870.355.919
Phải trả công nhân viên	1.460.811.038	2.274.029.488	214.739.688
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.917.289.536	5.489.357.149	1.512.459.913
<i>Nợ dài hạn</i>			
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	61.932.632	123.392.612	115.089.447

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2007, 2008, Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009

Do đặc điểm của ngành kinh doanh vật liệu xây dựng và để cạnh tranh được với các đơn vị khác trong điều kiện ngày càng khó khăn, Công ty phải cho phép các đại lý phân phối hàng của Công ty một hạn mức tín dụng nhất định dưới dạng gói đầu sản phẩm. Vì vậy đã có phát sinh một số khoản phải thu khó đòi từ các khách hàng. Các khoản nợ này Công ty đều đã trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định.

Trong năm 2008, Công ty đã quyết định chọn lọc những khách hàng uy tín và có năng lực làm đối tác, thắt chặt hơn điều kiện thanh toán trong giao dịch với khách hàng. Để hạn chế tối đa phát sinh nợ khó đòi, Công ty thực hiện chính sách phân cấp khu vực cho nhân viên kinh doanh. Trong đó, mỗi nhân viên kinh doanh phụ trách một khu vực và tùy theo đánh giá khả năng tài chính của đại lý sẽ quyết định một hạn mức tín dụng phù hợp. Đồng thời, mỗi nhân viên sẽ chịu trách nhiệm khu vực mà mình phụ trách. Nhờ những biện pháp tích cực nói trên, tình hình công nợ đã được cải thiện đáng kể.

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2007	Năm 2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,37	1,77
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,69	1,18
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,38	0,51
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,60	1,05
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	11,17	8,43
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	3,16	2,92
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/doanh thu thuần (DTT)	%	6,58	8,62
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	34,40	55,67
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	21,24	27,79
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	6,95	9,16
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần			
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (Lợi nhuận sau thuế / Số cổ phiếu lưu hành)	Đồng/ cổ phần	4.533	6.778
- Giá trị sổ sách của một cổ phần (Vốn chủ sở hữu / Số cổ phiếu lưu hành)	Đồng/ cổ phần	13.175,98	12.175,01

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2007, 2008

Các chỉ tiêu trên phản ánh tình hình tài chính khá tốt của doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã cân bằng được giữa các khoản nợ và tài sản của mình.

Hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản và khả năng sinh lời của Công ty, bên cạnh do ảnh hưởng một phần bởi đặc thù của ngành nghề hoạt động kinh doanh, đã thể hiện năng lực quản lý của ban điều hành Công ty.

Hiệu quả trong hoạt động của doanh nghiệp cũng được thể hiện qua mức thu nhập hàng năm Công ty mang lại cho mỗi cổ phần cổ đông sở hữu.

13. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

13.1 Hội đồng quản trị

13.1.1 Ông Ngô Hữu Tài - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Ngô Hữu Tài
- Số CMND: 320496669
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/07/1961
- Nơi sinh: Xã Tường Đa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tường Đa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: E6, Khu phố 5, P. Phú Khương, Tx. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (075) 3822376
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1982 – 1998: Kế toán trưởng Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 1999 – 2000: Phó Giám đốc Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 2000 – 2004: Giám đốc Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 2004 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Vật liệu xây dựng Bến Tre
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.171.852 cổ phần
 - Cá nhân : 157.226 cổ phần
 - Ủy quyền : 2.014.626 (đại diện phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước)
- Số cổ phần của những người có liên quan:
 - Ngô Văn Mãng (Anh ruột) : 2.000 cổ phần
 - Ngô Hữu Tài (Anh ruột) (CMND: 320492996): 2.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

13.1.2 Ông Phan Quốc Thông – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Phan Quốc Thông
- Số CMND: 320521272
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/04/1965
- Nơi sinh: Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Phú Hưng, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 54 Nguyễn Đình Chiểu, Phường I, Thị xã Bến Tre
- Số điện thoại liên lạc: (075) 822319
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1988 – 1996: Nhân viên Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 1996 – 1997: Phó P. Kinh doanh Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 1997 – 2000: Trưởng P. Kinh doanh Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 2000 – 2004: Phó Giám đốc Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 2004 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc CTCP Vật liệu Xây dựng Bến Tre

- Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Vật liệu Xây dựng Bến Tre: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần sở hữu: 67.565 cổ phần
 - Cá nhân: 67.565 cổ phần
 - Ủy quyền: 0
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

13.1.3 Ông Lê Văn Thịnh – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Lê Văn Thịnh
- Số CMND: 321321942
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/03/1956
- Nơi sinh: Xã Tân Phong, Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tân Phong, Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: Phường Phú Khương, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913.965.452
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Thống kê – Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 09/1975 – 09/1995: Trưởng Phòng TK – KH Huyện Thạnh Phú
Giám đốc Công ty Thủy sản Huyện Thạnh Phú
Phó Chủ tịch Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre
 - 05/1996 – 01/2002: Trùm trưởng Trùm khai thác cát Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 02/2002 – 2004: Phó Giám đốc Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre

- 2004 – Nay: Phó Giám đốc Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bến Tre
- Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Vật liệu Xây dựng Bến Tre: Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần sở hữu: 81.629 cổ phần
 - Cá nhân: 81.629 cổ phần
 - Ủy quyền: 0
- Số cổ phần của những người có liên quan:
 - Lê Văn Mười (Em ruột): 5.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

13.1.4 Ông Lê Đình Nhiên – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Lê Đình Nhiên
- Số CMND: 320565528
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/02/1962
- Nơi sinh: Xã Thăng Bình, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thăng Bình, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 81/2A Nguyễn Huệ, P. 4, TX. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0918 063378
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác:
 - 1979 – 1981: Nhân viên Đoàn Dầu khí Cửu Long
 - 1981 – 1996: Phó Phòng Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 1996 – Nay: Chủ Doanh nghiệp Nam Anh

- Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Vật liệu Xây dựng Bến Tre: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ Doanh nghiệp Nam Anh
- Số lượng cổ phần sở hữu: 57.937 cổ phần
 - Cá nhân: 57.937 cổ phần
 - Ủy quyền: 0
- Số cổ phần của những người có liên quan:
 - Trần Thị Hoa Phượng (Vợ): 21.811 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

13.1.5 Bà Lê Thị Nguyệt Phượng – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Lê Thị Nguyệt Phượng
- Số CMND: 320015574
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/04/1959
- Nơi sinh: Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phường Phú Khương, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 315 B2 Khu phố 1, P. 8, Tx. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (075) 829857
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 1982 – 1997: Nhân viên Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 1997 – 1999: Phó P. Kế toán Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 1999 – 2004: Trưởng P. Kế toán Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre
 - 2004 – nay: Kế toán trưởng, Trưởng P. Kế toán CTCP Vật liệu Xây dựng Bến Tre

- Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Vật liệu Xây dựng Bến Tre: Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần sở hữu: 50.731 cổ phần
 - Cá nhân: 50.731 cổ phần
 - Ủy quyền: 0
- Số cổ phần của những người có liên quan:
 - Trần Thanh Phong (Chồng) : 4.902 cổ phần
 - Lê Nguyệt Hồng (Chị ruột) : 3.630 cổ phần
 - Lê Nguyệt Ánh (Chị ruột) : 1.316 cổ phần
 - Lê Nguyệt Cúc (Em ruột) : 6.784 cổ phần
 - Lê Đặng Thọ (Em ruột) : 1.816 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

13.2 Ban Giám đốc

13.2.1 Ông Ngô Hữu Tài - Giám đốc

(Xin xem phần 13.1.1)

13.2.2 Ông Phan Quốc Thông – Phó Giám đốc

(Xin xem phần 13.1.2)

13.2.3 Ông Lê Văn Thịnh – Phó Giám đốc

(Xin xem phần 13.1.3)

13.3 Ban Kiểm soát

13.3.1 Lê Quốc Cường - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Lê Quốc Cường
- Số CMND: 320888904
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/04/1976
- Nơi sinh: Xã Thạnh Phong, Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thạnh Phong, Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 120G Xã Mỹ Thạnh An, Tx. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0908.034.339
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1993 – 1998: Nhân viên Công ty VLXD Bến Tre
 - 1998 – 2003: Học Đại học Kinh tế
 - 2003 – 2004: Trạm phó Trạm khai thác cát, Công ty VLXD Bến Tre
 - 2004 – Nay: Trạm phó Trạm khai thác cát, Công ty CP VLXD Bến Tre
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre: Trưởng Ban kiểm soát, Trạm phó Trạm khai thác cát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần sở hữu: 39.502 cổ phần
 - Cá nhân: 39.502 cổ phần
 - Ủy quyền: 0
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

13.3.2 Ông Lê Xuân Lâm – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Lê Xuân Lâm
- Số CMND: 320000288
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/10/1948
- Nơi sinh: Xã Sơn Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Sơn Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 106/3 Lộ 4, Phường 4, Tx. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913.886.135
- Trình độ văn hoá: Cấp 3
- Trình độ chuyên môn: Sĩ quan Công an
- Quá trình công tác:
 - 1964 – 1966: Du kích - An ninh Huyện
 - 1967 – 1969: Công tác tại Văn phòng Huyện ủy
 - 1970 – 1975: Làm công tác Quân báo (Quân đội)
 - 1976 – 2003: Thượng tá Công an Tỉnh Bến Tre
 - 2003 – nay : Hưu trí
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần sở hữu: 28.968 cổ phần
 - Cá nhân: 28.968 cổ phần
 - Ủy quyền: 0
- Số cổ phần của những người có liên quan
 - Võ Thị Kim Tuy (Vợ): 6.583 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

13.3.3 Ông Huỳnh Hữu Phúc – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Huỳnh Hữu Phúc
- Số CMND: 320862177
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/09/1972
- Nơi sinh: TX. Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 125/2C Mỹ Thạnh An, TX. Bến Tre
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 091 881 3766
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1998 – 2003: Nhân viên kế toán Công ty Du lịch Bến Tre
 - 2003 – Nay: Nhân viên kế toán DNTN Nguyễn Huỳnh
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên kế toán DNTN Nguyễn Huỳnh
- Số lượng cổ phần sở hữu: 14.370 cổ phần
 - Cá nhân: 14.370 cổ phần
 - Ủy quyền: 0
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

13.4 Kế toán trưởng – Bà Lê Thị Nguyệt Phượng

(Xin xem phần 13.1.5)

14. Tài sản

❖ Thời điểm 31/12/2008

Giá trị tài sản cố định của VLXD Bến Tre tại thời điểm 31/12/2008 được trình bày trong bảng sau:

Hạng mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.376.158.440	1.414.746.846	961.411.594
Máy móc, thiết bị	2.817.210.898	2.228.886.574	588.324.324

Đơn vị tính: Đồng

Đơn vị tính: Đồng

Hạng mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải	7.248.849.371	3.609.688.581	3.675.160.790
Thiết bị, dụng cụ quản lý	199.679.523	167.088.461	32.590.792
Tổng cộng	12.667.897.962	7.420.410.462	5.257.487.500

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008

❖ Thời điểm 30/09/2009

Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/09/2009 được trình bày trong bảng sau:

Đơn vị tính: Đồng

Hạng mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.376.158.440	1.542.026.163	834.132.277
Máy móc, thiết bị	2.749.117.499	1.985.187.569	763.929.930
Phương tiện vận tải	10.102.444.721	3.849.093.929	6.253.350.792
Thiết bị, dụng cụ quản lý	179.679.253	156.171.555	23.507.698
TSCĐ hữu hình khác	277.436.010	230.914.311	46.521.699
Tổng cộng	15.684.835.923	7.763.393.527	7.921.442.396

Nguồn: Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012

15.1 Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần VLXD Bến Tre trong thời gian tới

Định hướng của Công ty trong thời gian sắp tới sẽ là duy trì và giữ vững tốc độ tăng trưởng các hoạt động sản xuất kinh doanh; tập trung thực hiện các chiến lược của Công ty như: mở rộng thị trường ra các tỉnh lân cận; khuếch trương thương hiệu Công ty thông qua các hoạt động phúc lợi, xã hội; mở rộng sản xuất kinh doanh sang các ngành nghề có mối quan hệ lẫn nhau để hỗ trợ nhau phát triển. Cụ thể:

- Giữ vững tốc độ tăng trưởng của mảng kinh doanh VLXD bằng tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế (khoảng 8 – 10%);
- Xem xét và chọn lọc các đối tác có đủ tiềm lực kinh tế và uy tín trên thị trường để tiến tới những hợp tác dài hạn trong tương lai;
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chính sách bán hàng phù hợp với tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở kinh doanh có hiệu quả đồng thời giảm thiểu rủi ro;
- Chú trọng đầu tư sản xuất và kinh doanh các mặt hàng VLXD, lựa chọn một số mặt hàng phù hợp như: sơn, gạch lát nền,... để đưa vào hoạt động kinh doanh cũng như hỗ trợ cho công tác thi công xây dựng của Công ty;

- Phát triển và mở rộng hoạt động thi công xây dựng và san lấp mặt bằng;
- Đẩy mạnh hoạt động khai thác cát san lấp, đầu tư thăm dò và xin phép khai thác các mỏ cát mới nhằm đảm bảo hoạt động khai thác cát được ổn định;
- Nghiên cứu tham gia đầu tư các dự án xây dựng khu dân cư;
- Tổ chức bộ máy hoạt động tinh gọn, khoa học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công việc.

15.2 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Vốn điều lệ	40.490.060.000	40.490.060.000	40.490.060.000	40.490.060.000
Doanh thu thuần	177.000.000.000	187.739.000.000	204.298.000.000	221.973.000.000
Lợi nhuận sau thuế	15.000.000.000	15.800.000.000	16.900.000.000	18.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	37,05%	39,02%	41,74%	44,46%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	8,47%	8,42%	8,27%	8,11%
Cổ tức	19%	23%	25%	27%

Nguồn: VLXD Bến Tre

Đến hết tháng 11 năm 2009, tổng doanh thu Công ty đạt được là 148.271.639 đồng, bằng 84% kế hoạch của cả năm. Dự kiến từ nay đến hết năm 2009, Công ty sẽ tập trung vào việc đẩy mạnh thực hiện và hoàn tất các hợp đồng xây dựng đã ký kết, như công trình đầu tư cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp An Hiệp – huyện Châu Thành, công trình trụ sở Công ty Bảo Minh Bến Tre, san lấp cảng sông Phú Định – TP.HCM,... với tổng trị giá các hợp đồng khoảng hơn 20 tỷ đồng. Cùng với việc duy trì ổn định các hoạt động khai thác cát, kinh doanh, phân phối vật liệu xây dựng như các tháng vừa qua, dự kiến Công ty sẽ có khả năng hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của năm 2009.

15.3 Căn cứ để hoàn thành kế hoạch lợi nhuận

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức như trên là một phần của Định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của VLXD Bến Tre, được xây dựng căn cứ theo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bến Tre và tình hình tăng trưởng kinh tế chung của khu vực và cả nước. Trong điều kiện hoạt động, cạnh tranh và hội nhập kinh tế, Công ty xác định hướng đầu tư phát triển sắp tới sẽ là đẩy mạnh hoạt động kinh doanh các sản phẩm VLXD bên cạnh chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản phẩm mới, đón đầu các cơ hội; ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ để cho ra các sản phẩm có tính ưu việt và chất lượng cao, nhằm đến thay thế các sản phẩm ngoại nhập.

Các chỉ tiêu đều được tính toán một cách cẩn trọng, trên cơ sở xem xét, đánh giá khả năng phát triển của doanh nghiệp và tình hình thị trường. Như mức độ tăng trưởng doanh thu dự kiến cho các năm sắp tới khoảng 8 – 10%/năm, so với mức tăng trưởng doanh thu bình quân của các năm trong giai đoạn 2006 – 2008 là hơn 12%. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần là hơn 8%, gần bằng mức trung bình của các năm 2006 – 2008.

Để tiếp tục duy trì mức tăng trưởng như các năm vừa qua, VLXD Bến Tre sẽ tiếp tục tập trung vào việc mở rộng các đối tượng khách hàng tiêu thụ trong lĩnh vực kinh doanh phân phối vật liệu xây dựng, như ký kết hợp đồng nguyên tắc với các nhà phân phối tuyến dưới, tìm kiếm và ký kết hợp đồng tiêu thụ với các khách hàng lớn. Trong hoạt động khai thác cát, Công ty sẽ tập trung vào việc giữ vững năng lực cung ứng và năng lực cạnh tranh thông qua hoạt động nghiên cứu, thăm dò, xin phép khai thác các mỏ cát nhiều tiềm năng.

Bên cạnh các kế hoạch như trên, theo định hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh đã được Hội đồng quản trị Công ty xác định, trong thời gian tới, VLXD Bến Tre cũng sẽ đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất cung cấp bê tông tươi cho thị trường khu vực tỉnh Bến Tre và các tỉnh lân cận. Lĩnh vực kinh doanh mới này hứa hẹn sẽ góp phần tích cực vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm sắp tới, khi nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế trong khu vực còn vẫn còn nhiều tiềm năng.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre cho giai đoạn 2010 – 2012, được xây dựng trên cơ sở tình hình tăng trưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm qua, có xét đến các yếu tố tăng trưởng vĩ mô và trong mối tương quan với thị trường, phù hợp với khả năng của Công ty.

Các đánh giá chỉ có tính chất tham khảo. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Toàn bộ chứng khoán đăng ký niêm yết là Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phần

Mệnh giá mỗi cổ phần thống nhất là 10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số cổ phần niêm yết là 4.049.006 cổ phần.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết

❖ Đối với cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11, do đã quá thời hạn 3 năm kể từ ngày Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 01/09/2004), do đó đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều bị hủy bỏ.

❖ Đối với thành viên HĐQT, BKS, BGD, KTT:

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 14/2007/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ, cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	
			Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong thời gian 6 tháng tiếp theo
1	Ngô Hữu Tài	Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc	157.226	78.613
2	Phan Quốc Thông	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc	67.565	33.783
3	Lê Văn Thịnh	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc	81.629	40.815

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	
			Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong thời gian 6 tháng tiếp theo
4	Lê Thị Nguyệt Phương	Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng	50.731	25.366
5	Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	57.937	28.969
6	Lê Quốc Cường	Trưởng Ban kiểm soát	39.502	19.751
7	Lê Xuân Lâm	Thành viên Ban kiểm soát	28.968	14.484
8	Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên Ban kiểm soát	14.370	7.185

❖ Đối với thành viên cán bộ công nhân viên Công ty:

98.765 cổ phần phát hành cho cán bộ nhân viên Công ty theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 29/04/2008 của Đại hội đồng cổ đông sẽ bị hạn chế chuyển nhượng đến hết ngày 01/03/2010.

5. Phương pháp tính giá

5.1 Giá sổ sách tại thời điểm 31/12/2008

Dựa trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, giá sổ sách của một cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre vào thời điểm 31/12/2008 được tính như sau:

$$\text{Giá trị 1 cổ phần} = \text{Vốn chủ sở hữu} / \text{Tổng số cổ phần}$$

Chỉ tiêu	Giá trị	Đơn vị tính
Vốn chủ sở hữu (1)	24.047.158.773	Đồng
Số lượng Cổ phần (2)	1.975.125	Cổ phần
Giá trị 1 cổ phần [(3) = (1)/(2)]	12.175	Đồng/cổ phần

5.2 Giá sổ sách tại thời điểm 30/09/2009

Dựa trên Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009, giá sổ sách của một cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre vào thời điểm 30/09/2009 được tính như sau:

$$\text{Giá trị 1 cổ phần} = \text{Vốn chủ sở hữu} / \text{Tổng số cổ phần}$$

Chỉ tiêu	Giá trị	Đơn vị tính
Vốn chủ sở hữu (1)	52.490.990.980	Đồng
Số lượng Cổ phần (2)	4.049.006	Cổ phần
Giá trị 1 cổ phần [(3) = (1)/(2)]	12.964	Đồng/cổ phần

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài. Các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ căn cứ theo các quy định pháp luật có liên quan.

Tại thời điểm hiện tại, theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

7. Các loại thuế liên quan

7.1 Thuế giá trị gia tăng

Công ty tính thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế Giá trị gia tăng áp của các mặt hàng VLXD Bến Tre kinh doanh như sau: Thuế suất áp dụng cho các mặt hàng xi măng, sắt, gạch là 5%; cát, đá là 10%.

7.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

VLXD BẾN TRE là doanh nghiệp cổ phần hóa từ tháng 09/2004, căn cứ vào điểm 2 Điều 36 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi hoạt động có lãi, và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm thứ nhất Công ty được giảm 50% mức thuế TNDN.

Thuế suất thuế TNDN hiện nay đối với các doanh nghiệp cùng ngành là 25%.

7.3 Thuế tài nguyên và Phí bảo vệ môi trường

Do Công ty có mảng hoạt động kinh doanh là khai thác cát, nên ngoài các loại thuế nêu trên, hàng năm Công ty phải thực hiện nghĩa vụ nộp Thuế tài nguyên theo Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi) do Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 10 ban hành ngày 16/04/1998.

Số thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ nộp thuế được tính như sau:

$$\text{Thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ} = \text{Sản lượng tài nguyên thương phẩm khai thác trong kỳ} \times \text{Giá tính thuế đơn vị tài nguyên} \times \text{Thuế suất} - \text{Số thuế tài nguyên được miễn, giảm (nếu có)}$$

Về Giá tính thuế, theo quy định tại:

- Điều 7, Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/9/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên (sửa đổi)
- Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 147/2006/NĐ-CP ngày 01/12/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/1998/NĐ-CP

đối với tài nguyên xác định được sản lượng ở khâu khai thác và có thể bán ra ngay sau khi khai thác (như: đất, đá, cát, sỏi, thủy sản,...) thì giá tính thuế của một đơn vị tài nguyên là giá thực tế bán ra, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Thuế suất Thuế tài nguyên đối với sản phẩm của VLXD Bến Tre (cát) trong năm 2008 là 2%, năm 2009 sẽ là 3%.

Ngoài ra, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 137/2005/NĐ-CP ngày 09/11/2005 quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Theo đó, đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định tại Nghị định này là: đá, tràng thạch, sỏi, sét, thạch cao, cát, đất, than, nước khoáng thiên nhiên và sa khoáng titan (ilmenit). Mức phí bảo vệ môi trường VLXD Bến Tre phải nộp là 2% trên giá bán.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT

Địa chỉ : 33 Phan Văn Khỏe, Quận 5, TP. HCM

Điện thoại : (08) 3838 9099 Fax: (08) 3838 9119

Email : vietvalues@vnn.vn

2. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở chính

Địa chỉ : 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại : (84.8) 3.8218.666 Fax: (84.8) 3.9144.372

Email : das@dag.vn

Website : www.dag.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : 57 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 3944 5175 Fax: (84.4) 3944 5178

Chi nhánh Chợ Lớn

Địa chỉ : 110C Ngô Quyền, Quận 5, TP. HCM

Điện thoại : (84.8) 3853 9623 Fax: (84.8) 3853 9624

VII. DANH MỤC PHỤ LỤC

1. **Phụ lục 1:** Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục 2:** Điều lệ tổ chức và hoạt động
3. **Phụ lục 3:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008
4. **Phụ lục 4:** Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009
5. **Phụ lục 5:** Báo cáo xác định giá trị vốn góp đã kiểm toán tại 31/03/2009
6. **Phụ lục 6:** Quy chế quản trị công ty
7. **Phụ lục 7:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD, BKS

Bến Tre, ngày 01 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

NGÔ HỮU TÀI

Kế toán trưởng

Trưởng Ban Kiểm soát

LÊ THỊ NGUYỆT PHƯƠNG

LÊ QUỐC CƯỜNG

**TỔ CHỨC TƯ VẤN – CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN KIM
